

Số: 34/QĐ-TCĐT

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2024-2025

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 36/2019/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dự trữ Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 136/QĐ-BTC ngày 23/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 08/01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt phân bổ gạo hỗ trợ cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ (Học kỳ II năm học 2024-2025);

Căn cứ Văn bản số 310/UBND-KGVX ngày 16/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh v/v hỗ trợ gạo cho học sinh học kỳ II năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý hàng dự trữ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ cho các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực xuất cấp (không thu tiền) gạo dự trữ quốc gia, vận chuyển, giao cho các tỉnh tại trung tâm quận, huyện, thị xã, thành phố để hỗ trợ cho học sinh học kỳ II năm học 2024-2025 theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn và Quyết định số 136/QĐ-BTC ngày 23/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2024-2025.

- Chi tiết các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực xuất gạo và địa phương nhận gạo theo phụ lục đính kèm.

- Thời hạn hoàn thành giao nhận gạo đến hết ngày 25/4/2025.

Điều 2. Các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực có trách nhiệm:

1. Báo cáo và đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh sớm có kế hoạch phân bổ, tiếp nhận để kịp thời giao gạo cho học sinh thuộc đối tượng được hỗ trợ; phối hợp với các Sở, Ban, ngành của địa phương tổ chức triển khai thực hiện việc giao, nhận gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh theo đúng quy định.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ gạo học kỳ II, trường hợp số lượng gạo địa phương phân bổ, tiếp nhận thấp hơn so với quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước thì cấp theo số tiếp nhận của địa phương; trường hợp số lượng gạo địa phương phân bổ, tiếp nhận cao hơn so với quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước thì cấp theo số Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước quyết định; đồng thời, đề nghị địa phương có văn bản báo cáo Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) để quyết định cấp bổ sung, bảo đảm phù hợp với thời gian học kỳ II và trong năm học 2024-2025.

2. Việc giao, nhận gạo hỗ trợ học sinh thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 51/2020/TT-BTC ngày 02/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ; văn bản số 15777/BTC-TCĐT ngày 04/11/2016 của Bộ Tài chính về thực hiện hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2019 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Vụ trưởng các Vụ: Quản lý hàng dự trữ, Kế hoạch, Tài vụ - Quản trị, Khoa học và Công nghệ bảo quản và Cục trưởng các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND các tỉnh (phối hợp, thực hiện);
- Bộ Tài chính (Vụ NSNN);
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Lưu: VT, Vụ QLHDT (70b). /s/

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



La Văn Thịnh

Phụ lục

XUẤT GẠO HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 34/QĐ-TCĐT ngày 24/01/2025 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước)

ĐVT: Kg

STT	Địa phương nhận gạo (Tỉnh)	Số lượng gạo nhập kho năm 2024 hỗ trợ học kỳ II (kg)	Đơn vị xuất gạo	
			Số lượng gạo nhập kho năm 2024 (kg)	Cục DTNN KV
TỔNG CỘNG		35.126.912	35.126.912	
1	Hòa Bình	944.775	944.775	Hà Nội
2	Sơn La	3.664.890	3.664.890	Tây Bắc
3	Điện Biên	3.284.325	3.284.325	
4	Lai Châu	1.605.360	1.605.360	
5	Tuyên Quang	1.125.000	1.125.000	Hoàng Liên Sơn
6	Hà Giang	5.164.350	5.164.350	
7	Yên Bái	1.993.425	1.979.190	Vĩnh Phú
			14.235	
8	Lào Cai	2.220.710	2.220.710	Hà Bắc
9	Phú Thọ	366.600	366.600	
10	Bắc Giang	240.000	240.000	Bắc Thái
11	Lạng Sơn	1.481.100	1.481.100	
12	Bắc Kạn	845.760	845.760	Đông Bắc
13	Cao Bằng	2.220.000	2.220.000	
14	Thái Nguyên	232.500	232.500	Thanh Hóa
15	Quảng Ninh	23.820	23.820	
16	Thanh Hóa	598.620	598.620	Nghệ Tĩnh
17	Nghệ An	1.950.675	1.950.675	
18	Quảng Trị	537.900	537.900	Bình Trị Thiên
19	Quảng Bình	266.775	266.775	
20	Thừa Thiên Huế	25.035	25.035	
21	Quảng Nam	985.695	985.695	Đà Nẵng

STT	Địa phương nhận gạo (Tỉnh)	Số lượng gạo nhập kho năm 2024 hỗ trợ học kỳ II (kg)	Đơn vị xuất gạo	
			Số lượng gạo nhập kho năm 2024 (kg)	Cục DTNN KV
22	Quảng Ngãi	938.400	938.400	Nghĩa Bình
23	Bình Định	113.130	113.130	
24	Ninh Thuận	204.000	204.000	Nam Trung Bộ
25	Bình Thuận	5.400	5.400	
26	Phú Yên	52.500	52.500	
27	Khánh Hòa	83.640	83.640	
28	Gia Lai	610.260	610.260	Bắc Tây Nguyên
29	Kon Tum	932.712	932.712	
30	Lâm Đồng	121.200	121.200	Nam Tây Nguyên
31	Đắk Lắk	900.000	900.000	
32	Đắk Nông	682.200	682.200	
33	Bình Phước	126.000	126.000	Đông Nam Bộ
34	Bến Tre	78.420	78.420	Cửu Long
35	Vĩnh Long	13.725	13.725	
36	Cà Mau	14.250	14.250	Tây Nam Bộ
37	Sóc Trăng	353.100	353.100	
38	Kiên Giang	117.660	117.660	
39	Hậu Giang	3.000	3.000	